

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

Hà Nội, tháng 06 năm 2026



Thư ký Nguyễn Nguyễn Nguyễn Nguyễn

# MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
<b>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....</b>	<b>6</b>
<b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty .....</b>	<b>6</b>
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ...	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty .....	18
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP .....	18
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....	18
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông. ....	19
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	19
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....	20
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	21
Điều 11. Mua lại cổ phần.....	21
Điều 12. Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại.....	22
Điều 13. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức .....	23
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT .....	23
Điều 14. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	23
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	23
Điều 15. Quyền của cổ đông.....	23
Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau đây: .....	24
Điều 17. Đại hội đồng cổ đông .....	25
Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 19. Các đại diện theo ủy quyền .....	28
Điều 20. Thay đổi các quyền .....	29
Điều 21. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 22. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	31
Điều 23. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông .....	31



Điều 24. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	33
Điều 25. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	35
Điều 26. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	37
Điều 27. Hiệu lực các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	37
<b>CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>38</b>
Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	38
Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị .....	40
Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	41
Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	44
Điều 32. Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	46
Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	49
Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty .....	49
<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>50</b>
Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý.....	50
Điều 36. Người điều hành Công ty .....	50
Điều 37. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	51
Điều 38: Quyền hạn và nghĩa vụ của tổng giám đốc.....	51
<b>IX. BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>53</b>
Điều 40. Thành viên Ban kiểm soát.....	53
Điều 41. Ban kiểm soát.....	54
<b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....</b>	<b>55</b>
Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng .....	55
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	55
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	56
<b>XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....</b>	<b>57</b>
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	57
Điều 46. Công khai các lợi ích liên quan.....	57
Điều 47. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Công ty .....	58
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....</b>	<b>58</b>
Điều 48. Công nhân viên và công đoàn .....	58
<b>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....</b>	<b>58</b>
Điều 49. Phân phối lợi nhuận.....	58

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	59
Điều 50. Tài khoản ngân hàng	59
Điều 51. Năm tài chính	59
Điều 52. Chế độ kế toán	59
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	59
Điều 53. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	59
Điều 54. Báo cáo thường niên	60
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	60
Điều 55. Kiểm toán	60
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	60
Điều 56. Dấu của doanh nghiệp	60
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	61
Điều 57. Giải thể công ty	61
Điều 58. Gia hạn hoạt động	61
Điều 59. Thanh lý	61
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	62
Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ	62
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	62
Điều 61. Điều lệ công ty	62
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	62
Điều 62. Ngày hiệu lực	62



## PHẦN MỞ ĐẦU

### Căn cứ vào:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100684716 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 5 năm 2005.
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; sửa đổi ngày 17 tháng 6 năm 2025.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

## I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. “**Công ty**” là Công ty Cổ phần COKYVINA.

1.2. “**Vốn điều lệ**” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

1.3. “**Vốn có quyền biểu quyết**” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

1.4. “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; sửa đổi ngày 17 tháng 06 năm 2025.

1.5. “**Luật Chứng khoán**” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

1.6. “**Ngày thành lập**” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

1.7. “**Người quản lý**” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết các giao dịch của Công ty theo quy định của Công ty.

1.8. “**Người điều hành công ty**” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

1.9. “**Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**” (Sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.



1.10. **“Thành viên độc lập Hội đồng quản trị”** là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 của Luật Doanh nghiệp 2020.

1.11. **“Người đại diện theo ủy quyền”** là cá nhân được cổ đông ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ này.

1.12. **“Người có liên quan”** là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 46 Điều 4 của Luật chứng khoán 2019.

1.13. **“Thời hạn hoạt động”** là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng Nghị quyết.

1.14. **“Việt Nam”** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.15. Các từ, thuật ngữ khác không được giải thích tại Điều này sẽ hiểu theo cách giải thích tại Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019 và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: COKYVINA JOINT STOCK COMPANY

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

- Tên Công ty viết tắt: COKYVINA

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 178 Phố Triệu Việt Vương - Phường Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 024 39781323

- Fax: 024 39782368



- E-mail: info@cokyvina.com.vn

- Website: www.cokyvina.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty có một (1) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:
  - 3.1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty.
  - 3.2. Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
  - 3.3. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.
4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều lệ này;
5. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú tại Việt Nam và ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

## **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất thiết bị truyền thông Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp máy móc, thiết bị trong các lĩnh vực bưu chính viễn thông, phát thanh, truyền hình,	2630
2	Cung ứng nguồn nhân lực khác Chi tiết: Cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của	7822

- người sử dụng lao động;
- 3 Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác 2732  
Chi tiết: Sản xuất sản phẩm dây đồng (dây đồng, dây quang), lõi đồng (lõi đồng, lõi quang), bobin nhựa, bobin sắt, bobin gỗ;
- 4 Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại 2733  
Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh các loại dây và cáp thông tin (sợi đồng và sợi quang), dây và cáp điện dân dụng, cáp điện lực, nguyên liệu, vật liệu viễn thông, vật liệu điện dân dụng;
- 5 Kho bãi và lưu giữ hàng hóa 5210  
Chi tiết: Cho thuê kho bãi;  
(Trừ kho ngoại quan)
- 6 Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải 5229  
Chi tiết: khai thuê hải quan  
(Trừ hoạt động vận tải hàng không)
- 7 Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự 5510  
Chi tiết: Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Khách sạn,
- 8 Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác  
Chi tiết:  
Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày 5520  
- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày  
- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự
- 9 Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng  
Chi tiết:  
Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến  
Bán buôn xi măng  
Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi  
Bán buôn kính xây dựng  
Bán buôn sơn, véc ni 4673  
Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh  
Bán buôn đồ ngũ kim  
Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng:  
+ Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;  
+ Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...
- 10 Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động 5610  
Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ



	trường);	
11	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ viễn thông - Kinh doanh các dịch vụ trong các lĩnh vực: bưu chính viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện, điện tử, tin học, điện tử dân dụng,	6190
12	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị Chi tiết: sửa chữa các sản phẩm thuộc các ngành kinh doanh	3312
13	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
14	Lắp đặt hệ thống điện	4321
15	Bán buôn đồ uống	4633
16	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Kinh doanh nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm cấp chuyên ngành viễn thông, dây thuê bao và vật liệu điện dân dụng:	4652
17	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn thiết bị pin năng lượng mặt trời, - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu, - Bán buôn vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện, điện tử, tin học, điện tử dân dụng, vật tư thiết bị công nghiệp, dân dụng và các lĩnh vực khác sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác.	4659
18	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Chi tiết: - Nhận ủy thác xuất nhập khẩu (không bao gồm	8299 (Chính)

- ủy thác đầu tư);
  - Đầu tư trong các lĩnh vực bưu chính viễn thông, tài chính, công nghiệp, nhà ở, cơ sở hạ tầng, các khu công nghiệp, khu đô thị và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật);
  - Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, thiết bị lẻ, thiết bị toàn bộ trong các lĩnh vực bưu chính viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện, điện tử, tin học, điện tử dân dụng, giao thông, công nghiệp, xây dựng và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;
  - Bảo dưỡng, bảo trì, bảo hành;
  - Lắp ráp và hoàn thiện, tư vấn, sửa chữa, bảo hành các mặt hàng Công ty kinh doanh;
  - Dịch vụ truy cập Internet, cung cấp đường truyền trong ngành
  - Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng, viễn thông, công nghệ thông tin,
  - Cung cấp thiết bị trong lĩnh vực y tế, giáo dục, phòng thí nghiệm, nông nghiệp,
  - Cung cấp thiết bị trong lĩnh vực đo lường.
- 19 Giáo dục khác chưa được phân vào đâu 8559  
*(Trừ hoạt động giáo dục của các trường đảng, đoàn thể là các tổ chức chính trị, xã hội, không phải là doanh nghiệp; Trừ hoạt động dạy về tôn giáo là hoạt động của tổ chức tôn giáo)*
- 20 Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm 6622  
 Chi tiết: Đại lý bảo hiểm
- 21 Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê 6810  
 Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- 22 Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác 7020  
 Chi tiết: tư vấn ký kết hợp đồng kinh tế và các dịch vụ khác được pháp luật cho phép (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp lý);  
 (Không bao gồm: hoạt động tư vấn tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)
- 23 Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu 7499  
 Chi tiết: Chuyển giao công nghệ;  
 Tư vấn chuyển giao công nghệ  
 (Không bao gồm: hoạt động của những nhà báo độc



	lập; Tư vấn chứng khoán; Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng)	
24	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô,	7710
25	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Giới thiệu việc làm cho người lao động	7810
26	Xây dựng nhà để ở	4101
27	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Cho thuê lại lao động	7820
28	Xây dựng nhà không để ở	4102
29	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp máy móc, thiết bị trong các lĩnh vực điện, điện tử, tin học, điện tử dân dụng, giao thông, công nghiệp, xây dựng và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;	2640
30	Xây dựng công trình điện	4221
31	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
32	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu; Cho thuê thiết bị, phương tiện;	7730
33	Giáo dục nhà trẻ	8511
34	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
35	Giáo dục mẫu giáo	8512
36	Xây dựng công trình công ích khác	4229
37	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý dịch vụ viễn thông; - Đại lý xổ số (khoản 1.9, Điều 1, Thông tư 65/2007/TT-BTC Hướng dẫn chi tiết Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 01/03/2007 của Chính phủ về kinh doanh xổ số) - Đại lý phân phối vật liệu xây dựng; - Đại lý phân phối về thiết bị công nghiệp (máy móc công cụ cắt gọt, thiết bị dây chuyền sản xuất dây và cáp, động cơ giảm tốc, băng tải); (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
38	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

	Chi tiết: Tổ chức sự kiện (Trừ hợp báo)	
39	Điều hành tua du lịch	7912
	Chi tiết:	
	Kinh doanh lĩnh vực nội địa, quốc tế	
40	Xây dựng công trình đường sắt	4211
41	Xây dựng công trình đường bộ	4212
42	Xây dựng công trình thủy	4291
43	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
44	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
45	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
	Chi tiết: Lắp đặt hệ thống đường ống nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa.	
	Cụ thể:	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống sưởi (điện, gas, dầu);</li> <li>- Lò sưởi, tháp làm lạnh,</li> <li>- Hệ thống thu nạp năng lượng mặt trời không dùng điện;</li> <li>- Thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị vệ sinh;</li> <li>- Thiết bị thông gió, làm lạnh hoặc điều hoà không khí;</li> <li>- Thiết bị khí đốt (gas);</li> <li>- Đường ống dẫn hơi nước;</li> <li>- Hệ thống phun nước chữa cháy;</li> <li>- Hệ thống phun nước tưới cây;</li> <li>- Lắp đặt hệ thống ống dẫn.</li> </ul>	
46	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
	Chi tiết:	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.</li> <li>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: Thang máy, thang cuốn; Cửa cuốn, cửa tự động, Dây dẫn chống sét, Hệ thống pin năng lượng mặt trời; Hệ</li> </ul>	



	thống hút bụi, Hệ thống âm thanh; Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung	
47	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
48	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
49	Quảng cáo	7310
50	Truyền tải và phân phối điện	3512
	Chi tiết:	
	Hoạt động bán buôn điện	
51	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
52	Cho thuê xe có động cơ	7710
	Chi tiết: Cho thuê ô tô;	
	- Cho thuê xe có động cơ khác:	
	+Cho thuê xe giải trí, xe trượt tuyết, xe du lịch... (không có lái xe đi kèm);	
	+Cho thuê xe mô tô (không có lái xe đi kèm).	
53	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	9531
54	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
	Chi tiết: Hỗ trợ hoạt động đào tạo, quản lý phương tiện	
55	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
	Chi tiết: Đăng kiểm phương tiện giao thông	
56	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6310
	Chi tiết: Xử lý dữ liệu hoàn chỉnh cho khách hàng như: nhập tin, làm sạch dữ liệu, tổng hợp dữ liệu, tạo báo cáo,... từ dữ liệu do khách hàng cung cấp.	
	Hoạt động cung cấp và cho thuê hạ tầng thông tin như: cho thuê tên miền internet, cho thuê trang Web....	
	Các hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan khác như: chia sẻ thời gian thực cho các thiết bị công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính cá nhân, thiết bị di động...) cho khách hàng.	
57	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
	Chi tiết:	
	- Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy tính và thiết bị ngoại vi;	
	- Bán buôn phương tiện vận tải, ví dụ như đầu máy xe lửa, xe kéo bốn bánh,..., trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;	
	- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;	

- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;
  - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy tính;
  - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường;
  - *Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu*
- 58 Hoạt động đào tạo sử dụng phương tiện vận tải phi thương mại 8553
- Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở đào tạo lái xe ô tô, mà người được đào tạo không hành nghề vận tải.
- 59 Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác 8569
- Chi tiết:
- Tư vấn giáo dục;
  - Hoạt động tư vấn liên quan đến nghề nghiệp và việc làm;
  - Hoạt động đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục;
  - Hoạt động đánh giá việc kiểm tra giáo dục;
  - Hoạt động khảo thí trong giáo dục;
  - Tổ chức các chương trình trao đổi học sinh;
  - Kiểm tra và thử nghiệm các ngành nghề được quy định, ví dụ như phi công;
  - Phát triển chương trình giảng dạy;
  - Hoạt động chuyên môn và phục hồi năng lực đánh giá khả năng học tập.
- 60 Phát triển trò chơi điện tử, phần mềm trò chơi điện tử và các công cụ phần mềm trò chơi điện tử 6211
- Chi tiết:
- Hoạt động thiết kế cấu trúc và nội dung; viết, sửa (bao gồm các bản cập nhật và bản vá lỗi phần mềm), tùy chỉnh, thử nghiệm và hỗ trợ mã hóa máy tính cần thiết để tạo và triển khai: phần mềm trò chơi điện tử, ứng dụng trò chơi điện tử, công cụ phần mềm trò chơi điện tử, phần mềm trung gian trò chơi điện tử.
  - Sản xuất sản phẩm phần mềm.
- (Điều 3 Thông tư số: 13/2020/TT-BTTTT Quy định việc xác định hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm đáp ứng quy trình)



(Trừ hoạt động nhà nước cấm, trừ hoạt động cá cược và đánh bạc)

61	Lập trình máy tính khác Chi tiết: Hoạt động thiết kế cấu trúc và nội dung; viết, sửa (bao gồm các bản cập nhật và bản vá lỗi phần mềm), tùy chỉnh, thử nghiệm và hỗ trợ mã hóa máy tính cần thiết để tạo và triển khai: phần mềm hệ thống; phần mềm kinh doanh, phần mềm tài chính và ứng dụng phần mềm khác (trừ ứng dụng trò chơi điện tử); ứng dụng máy học; ứng dụng trí tuệ nhân tạo/thị giác máy; ứng dụng an ninh mạng; ứng dụng sở cái phân tán; cơ sở dữ liệu; các trang web. (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	6219
62	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính	6220
63	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312
64	Hoạt động dịch vụ trung gian bán lẻ (Trừ hoạt động đấu giá)	4790
65	<i>Bán lẻ đồ uống (Trừ hoạt động đấu giá)</i>	4723
66	<i>Bán lẻ nhiên liệu động cơ (Trừ hoạt động đấu giá)</i>	4730
67	<i>Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông (Trừ hoạt động đấu giá)</i>	4740
68	<i>Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim - Bán lẻ sơn, màu, véc ni - Bán lẻ kính xây dựng - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh - Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: + Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; + Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su... (Trừ hoạt động đấu giá)</i>	4752
69	Hoạt động môi giới và tiếp thị bằng sáng chế (Trừ hoạt động đấu giá)	7491
70	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Trừ hoạt động đấu giá)	4671

71	Đại lý lữ hành	7911
72	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	3511
73	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo Chi tiết: Điện mặt trời	3512
74	Quảng cáo (Trừ những hoạt động Nhà nước cấm)	7310
75	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, bao gồm cả rơ moóc và bán rơ moóc: + Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động, + Bảo dưỡng thông thường, + Sửa chữa thân xe, + Sửa chữa các bộ phận của ô tô, + Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn, + Sửa tắc chắn và cửa sổ, + Sửa ghế, đệm và nội thất ô tô, + Dịch vụ chuẩn đoán và sửa chữa hệ thống cơ điện tử, + Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp ô tô, lắp đặt hoặc thay thế. + Xử lý chống gỉ. + Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất. - Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng xe có động cơ khác: + Sửa chữa phần cơ, phần điện, các bộ phận khác của xe có động cơ khác, + Bảo dưỡng thông thường, + Sửa chữa thân xe, + Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn, + Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp lắp đặt hoặc thay thế, + Xử lý chống gỉ, + Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất. (Trừ các hoạt động nhà nước cấm)	9531
76	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới (Chương II Nghị định Số: 89/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2026)	7120
77	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan Chi tiết:	6310



- Cung cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm việc cung cấp cơ sở hạ tầng đám mây và nền tảng (IaaS, PaaS);
  - Điện toán đám mây (trừ xuất bản phần mềm và thiết kế hệ thống máy tính), có hoặc không kết hợp với cung cấp cơ sở hạ tầng;
  - Cung cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật liên quan đến dịch vụ phát trực tuyến;
  - Xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan như:
    - + Xử lý dữ liệu hoàn chỉnh cho khách hàng như: nhập tin, làm sạch dữ liệu, tổng hợp dữ liệu, tạo báo cáo,... từ dữ liệu do khách hàng cung cấp,
    - + Tạo các báo cáo chuyên ngành từ dữ liệu do khách hàng cung cấp,
    - + Xử lý dữ liệu công nghệ chuỗi khối/sổ cái phân tán (DLT).
  - Hoạt động cho thuê dịch vụ lưu trữ chuyên biệt, như:
    - + Cho thuê dịch vụ lưu trữ web,
    - + Cho thuê dịch vụ lưu trữ ứng dụng.
  - Cung cấp cơ sở hạ tầng máy chủ lớn theo hình thức chia sẻ thời gian sử dụng cho các khách hàng (general time-share);.
  - Số hóa các tập tin (để xử lý thêm, xử lý tiếp dữ liệu);
  - Cung cấp dịch vụ nhập liệu dữ liệu;
  - Hoạt động cho thuê chỗ đặt trung tâm dữ liệu, ví dụ như cho thuê máy chủ và không gian mạng trong các trung tâm dữ liệu;
  - Dịch vụ lưu trữ dữ liệu máy tính.
- (Trừ Hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)

78 Hoạt động đào tạo sử dụng phương tiện vận tải phi thương mại 8553

Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở đào tạo lái xe ô tô, lái máy bay, lái tàu, lái thuyền,... mà người được đào tạo không hành nghề vận tải.

(Trừ hoạt động giáo dục của các trường đảng, đoàn thể là các tổ chức chính trị, xã hội, không phải là doanh nghiệp; Trừ hoạt động dạy về tôn giáo là hoạt động của tổ chức tôn giáo)

## 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

2.1 Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông tại Công ty;

2.2 Tối đa hóa lợi nhuận và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tăng cường tích tụ, tập trung vốn, phân công, chuyên môn hóa và hợp tác hóa sản xuất, nâng cao chất lượng quản lý, hiệu quả đầu tư và kinh doanh, uy tín và khả năng cạnh tranh của Công ty, góp phần giải quyết việc làm và đảm bảo đời sống của người lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội và đóng góp tích cực cho ngân sách Nhà nước.



## **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của mình.

## **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là **40.500.000.000 đồng** (Bốn mươi tỷ, năm trăm triệu đồng Việt Nam).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **4.050.000** cổ phần với mệnh giá là **10.000 VND/1** cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp như sau:

TT	Tên cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Số cổ phần	Trị giá (VND)
1	Nhà nước (Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam - VNPT)	49%	1.984.500	19.845.000.000
2	Các cổ đông khác	51%	2.065.500	20.655.500.000

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội



đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông.**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp 2020.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày (Hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành theo như quy định tại phương án phát hành cổ phần của Công ty, người sở hữu cổ phần được cấp giấy chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, bị tẩy xóa hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần, cam kết nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy, chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty và tuân thủ theo Khoản 3 - Điều 121 Luật doanh nghiệp 2020.
5. Sổ đăng ký cổ đông
  - 5.1 Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông ít nhất phải có các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp 2020.
  - 5.2 Sổ đăng ký cổ đông có thể được lập và lưu trữ bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
  - 5.3 Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

#### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành



có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
3. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng hợp đồng hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng cổ phần bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục, và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của Pháp luật về chứng khoán. Trường hợp Cổ đông là Nhà đầu tư nước ngoài nhận, chuyển nhượng cổ phiếu thì Công ty phải thông báo bằng văn bản tới cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi đối với cổ đông là Nhà đầu tư nước ngoài.
4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất.
  - 4.1 Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự;
  - 4.2 Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì thực hiện theo quy định của pháp luật. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật;
  - 4.3 Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế thừa.
5. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định nói trên chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 2 - Điều 122 Luật doanh nghiệp 2020 được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.
6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
7. Các trường hợp chuyển quyền sở hữu cổ phần khác được thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.



## **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán (Tối thiểu là bảy (7) ngày kể từ ngày thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 112 của Luật doanh nghiệp 2020. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
7. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## **Điều 11. Mua lại cổ phần**

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

1.1 Cổ đông bỏ phiếu phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết trên;

1.2 Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông tại quy định Điểm 1.1 Khoản 1 Điều 11 này với giá thị trường hoặc giá khác được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm



định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

2.1 Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2.2 Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điểm 2.3 khoản 2 Điều 11. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

2.3 Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

**Điều 12. Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại**

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông quy định tại Điều 11 Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này được xử lý theo quy định của Pháp luật.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Công ty phải



thông báo tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

### **Điều 13. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức**

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Điều 12 Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 của Luật Doanh nghiệp 2020 thì cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 14. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng quản trị
3. Tổng giám đốc
4. Ban kiểm soát

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 15. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty có thể là pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông là pháp nhân có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền nhiều hơn 03 người đại diện theo ủy quyền. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.
2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
  - 2.1 Cổ đông tham dự, phát biểu và biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua một trong các hình thức:
    - 2.1.1 Tham dự, phát biểu và quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc hội nghị trực tuyến khi công ty tổ chức;
    - 2.1.2 Ủy quyền cho người khác tham dự, phát biểu và biểu quyết tại cuộc họp;
    - 2.1.3 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành. Người được ủy quyền đi dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền và giấy tờ tùy thân khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp;
    - 2.1.4 Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, Fax, thư điện tử.
  - 2.2 Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - 2.3 Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - 2.4 Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo đúng quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 9 của Điều lệ này;

23



- 2.5 Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- 2.6 Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- 2.7 Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- 2.8 Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- 2.9 Trường hợp công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật;
- 2.10 Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật doanh nghiệp 2020 và Điều 11 Điều lệ này;
- 2.11 Các quyền khác theo pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số cổ phiếu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên:
- 3.1 Đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điểm 2.2 Khoản 2 Điều 28 và Khoản 1 Điều 40 của Điều lệ này;
- 3.2 Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 của Luật doanh nghiệp 2020;
- 3.3 Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- 3.4 Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; Phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân (Hoặc chứng minh nhân dân), hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; Vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- 3.5 Các quyền khác theo pháp luật và điều lệ này.
4. Quyền của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi (Nếu có) sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

## **Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau đây:

1. Thanh toán đủ và đúng số cổ phần cam kết mua.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút lại một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.



2. Tuân thủ điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Tuân thủ các điều kiện quy định rõ tại cổ phiếu đối với từng loại cổ phần tương ứng.
3. Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này thông qua các hình thức sau:
  - 3.1 Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - 3.2 Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - 3.3 Trong trường hợp công ty tổ chức họp trực tuyến, cổ đông thực hiện quyền tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - 3.4 Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, Fax, thư điện tử;
4. Cung cấp thông tin cổ đông chính xác để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - 6.1 Vi phạm pháp luật;
  - 6.2 Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - 6.3 Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
7. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
8. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ công ty.

#### **Điều 17. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
3. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:



4.1 Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích chung của Công ty;

4.2 Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

4.3 Khi số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên của Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

4.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

4.5 Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 của Luật doanh nghiệp 2020 hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

4.6 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ này.

5. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường

5.1 Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm 4.3 Khoản 4 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm 4.4 và Điểm 4.5 Khoản 4 Điều này;

5.2 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm 5.1 Khoản 5 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 của Luật doanh nghiệp 2020.

5.3 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm 5.2 Khoản 5 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm 4.4 Khoản 4 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 140 của Luật doanh nghiệp 2020.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo Khoản 5 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại



## **Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
  - 1.1 Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
  - 1.2 Báo cáo của Hội đồng Quản trị;
  - 1.3 Báo cáo của ban kiểm soát;
  - 1.4 Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định các vấn đề sau:
  - 2.1 Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
  - 2.2 Thông qua Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
  - 2.3 Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;
  - 2.4 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát
  - 2.5 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị; Kiểm soát viên;
  - 2.6 Ngân sách, tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
  - 2.7 Bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty;
  - 2.8 Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
  - 2.9 Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, hoặc chuyển đổi Công ty;
  - 2.10 Quyết định tổ chức lại hoặc giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - 2.11 Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
  - 2.12 Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
  - 2.13 Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
  - 2.14 Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020 với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán; Trường hợp này người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; Đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của



hợp đồng, giao dịch tại Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành;

2.15 Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, các Luật khác liên quan và Điều lệ này;

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
  - 3.1 Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng, giao dịch;
  - 3.2 Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc người liên quan của cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch được khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 19. Các đại diện theo ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho các cá nhân, tổ chức đại diện tham dự.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - 2.1 Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của Tổ chức được ủy quyền dự họp;
  - 2.2 Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
  - 2.3 Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
  - 2.4 Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền và giấy tờ tùy thân khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (Nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản



và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau:

- 3.1 Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
  - 3.2 Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;
  - 3.3 Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;
  - 3.4 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;
  - 3.5 Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng đại diện theo ủy quyền; Trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;
  - 3.6 Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông
4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- 4.1 Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - 4.2 Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - 4.3 Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 20. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 22 và Điều 24 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

#### **Điều 21. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 17 của Điều lệ này.



2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
  - 2.1 Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội không sớm hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có đầy đủ các thông tin theo quy định của Pháp luật;
  - 2.2 Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
  - 2.3 Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - 2.4 Lập chương trình, nội dung cuộc họp và chuẩn bị các tài liệu cho cuộc họp, và các công việc khác phục vụ đại hội theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
  - 2.5 Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
  - 2.6 Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
  - 2.7 Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
  - 2.8 Các công việc khác phục vụ Đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (Tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, tuy nhiên Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu. Tài liệu gồm có:
  - 3.1 Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
  - 3.2 Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên hội đồng quản trị, kiểm soát viên;
  - 3.3 Phiếu biểu quyết;
  - 3.4 Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
  - 3.5 Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến



nghị phải bằng văn bản và phải gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân (hoặc giấy chứng minh nhân dân), hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; Số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

5.1 Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

5.2 Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này;

5.3 Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;

5.4 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.

## **Điều 22. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai có đủ điều kiện tiến hành họp chỉ khi có số cổ đông đại diện cho ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lần thứ ba trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần thứ hai. Đại hội được triệu tập lần thứ ba được tiến hành họp không phụ thuộc vào số cổ đông tham dự và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

## **Điều 23. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng



ký, họ và tên cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

3.1. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đã đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng lại đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

3.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người nào có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

3.3. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

3.4. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

3.5. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

4. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

5. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn hoặc thay đổi địa điểm đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8, Khoản 9 Điều 146 của Luật Doanh nghiệp 2020. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

7. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc



biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

8.1 Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

8.2 Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

8.3 Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác;

9. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm có thể:

9.1 Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (Địa điểm chính của Đại hội);

9.2 Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham gia đại hội. Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

10. Trong điều lệ này (Trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.

11. Hàng năm công ty tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

## **Điều 24. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

1.2 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

1.2.1 Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

1.2.2 Định hướng phát triển của Công ty;

1.2.3 Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

1.2.4 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;



1.2.5 Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty;

1.2.6 Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

1.2.7 Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

1.2.8 Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Điều kiện thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

2.1 Trừ trường hợp được quy định tại Điểm 2.2, Khoản 2 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp tán thành:

2.1.1 Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

2.1.2 Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;

2.1.3 Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

2.1.4 Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

2.1.5 Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty.

2.1.6 Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2.2 Các nghị quyết khác của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 50% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp tán thành trừ trường hợp được quy định tại Điểm 2.1 và Điểm 2.3 Khoản 2 Điều này.

2.3 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao đến thấp, bắt đầu từ số ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

2.4 Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành;



2.5 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

**Điều 25. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại Điều 24 Khoản 1.2.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi cho tất cả các cổ đông quyền biểu quyết ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp 2020. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật doanh nghiệp 2020.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - 3.1 Tên, địa chỉ, mã số doanh nghiệp;
  - 3.2 Mục đích lấy ý kiến;
  - 3.3 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của các cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - 3.4 Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - 3.5 Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
  - 3.6 Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - 3.7 Họ, tên, chữ ký của chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền. Cổ đông có thể gửi phiếu ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:



- 4.1 Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- 4.2 Gửi Fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua Fax hoặc qua thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi Fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 5.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- 5.2 Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- 5.3 Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- 5.4 Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- 5.5 Các vấn đề đã được thông qua;
- 5.6 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, của người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; Liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều được phải lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành (như đã nêu tại mục 2.4 - Khoản 2 - Điều 24 Điều lệ này) và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.



## **Điều 26. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể được lập bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - 1.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - 1.2 Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - 1.3 Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
  - 1.4 Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - 1.5 Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
  - 1.6 Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - 1.7 Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - 1.8 Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - 1.9 Chữ ký của chủ tọa và thư ký; Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

## **Điều 27. Hiệu lực các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông



1.1 Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

1.2 Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.

1.3 Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có tỉ lệ từ 5% trở lên yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp 2020, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## 2. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu cổ phần với tỉ lệ từ 5% trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

2.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.2 Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ của Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

## CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Cơ cấu của Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (5) năm và có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tối thiểu một (01) thành viên Hội đồng Quản trị phải là độc lập /không điều hành. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

2. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định sau:

2.1 Trường hợp đã xác định được ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết



bằng văn bản tính trung thực, tính chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

2.1.1 Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

2.1.2 Trình độ học vấn;

2.1.3 Trình độ chuyên môn;

2.1.4 Quá trình công tác;

2.1.5 Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

2.1.6 Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng cử viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

2.1.7 Các lợi ích có liên quan đến Công ty (Nếu có);

2.1.8 Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên;

2.1.9 Các thông tin khác (Nếu có).

2.2.10 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu tổng số cổ phần phổ thông tương ứng tỷ lệ dưới đây có quyền đề cử ứng cử Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Năm giữ từ 5% đến dưới 10% được đề cử một (01) ứng viên;
- Năm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai (02) ứng viên;
- Năm giữ từ 30% đến dưới 49% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Năm giữ từ 49% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Năm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Năm giữ từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Năm giữ từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2.3 Trường hợp ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

3. Trường hợp tất cả các Thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc một nhiệm kỳ thì Thành viên đó tiếp tục là Thành viên của Hội đồng quản trị cho đến khi có Thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

4.1 Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp 2020 hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;

4.2 Có đơn từ chức và được chấp thuận;



- 4.3 Không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020;
  - 4.4 Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - 4.5 Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - 4.6 Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
  - 4.7 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.
5. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
- 5.1 Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ của Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
  - 5.2 Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

**Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020.
- 2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý kinh doanh trong các ngành nghề chính của Công ty.
- 3. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; Không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.
- 4. Có sức khỏe, có đạo đức, phẩm chất tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết về Pháp luật;
- 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.
- 6. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể kiêm nhiệm là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc Công ty điều hành của doanh nghiệp do Công ty góp vốn. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất, kinh doanh của Công ty;



7. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

### **Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:
  - 2.1 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
  - 2.2 Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - 2.3 Đề xuất loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần được quyền chào bán từng loại;
  - 2.4 Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán cho từng loại; Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - 2.5 Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu; Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
  - 2.6 Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp 2020;
  - 2.7 Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - 2.8 Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - 2.9 Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác của Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chuyển toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc giao kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác cho Hội đồng quản trị ngay sau khi phát sinh; đồng thời báo cáo kịp thời và đầy đủ cho Hội đồng quản trị tình hình thực hiện các Hợp đồng này tại các kỳ họp gần nhất của Hội đồng quản trị hoặc khi được yêu cầu;
  - 2.10 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng Công ty và các cán bộ quản lý khác của Công ty, ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định mức lương và các lợi ích khác của họ; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
  - 2.11 Giám sát, chỉ đạo, hỗ trợ Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
  - 2.12 Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Quyết định việc thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp



vốn, mua cổ phần của Doanh nghiệp khác; Quyết định việc tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện, chi nhánh của Công ty;

2.13 Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

2.14 Trình Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, Báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông với các nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán;

2.15 Đề xuất mức cổ tức hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

2.16 Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản của Công ty;

2.17 Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những người được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020 với giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; Đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc các nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

2.18 Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị; Phê duyệt định biên lao động theo quy định của Công ty; Phê duyệt các định mức kinh tế kỹ thuật;

2.19 Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

2.20 Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

2.21 Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và theo Điều lệ của Công ty.

3. Những vấn đề sau phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- 3.1 Thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của công ty;
- 3.2 Thành lập công ty con của công ty;
- 3.3 Trong phạm vi quy định theo Khoản 2 Điều 153 của Luật doanh nghiệp 2020 trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 138 của Luật doanh nghiệp 2020 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020 phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
- 3.4 Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;
- 3.5 Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của công ty;
- 3.6 Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;



3. Văn phòng và các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương của Công ty có chức năng tham mưu, giúp việc của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành công việc.
4. Nhiệm vụ cụ thể của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương được quy định trong Quy chế quản lý, điều hành hoạt động của Công ty do Hội đồng quản trị phê duyệt và Tổng giám đốc ký quyết định ban hành theo ủy quyền của Hội đồng quản trị.
5. Trong quá trình hoạt động, Tổng giám đốc có thể kiến nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức, biên chế, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương cho phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 40. Thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Điểm 2.1 Khoản 2 Điều 28 Điều lệ này. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của công ty là ba (03) người và được Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Ban kiểm soát bầu một (01) thành viên trong số họ làm trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
  - 3.1 Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
  - 3.2 Lập và ký các báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:
  - 4.1 Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020.
  - 4.2 Không được là vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Hội đồng quản trị của, Tổng giám đốc, và người quản lý khác của Công ty.

4.3 Có sức khỏe, có đạo đức, phẩm chất tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật;

4.4 Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

4.5 Không được làm trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hoặc nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

5.1 Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

5.1.1 Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 4 Điều 40 Điều lệ này;

5.1.2 Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

5.1.3 Có đơn từ chức và được chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông;

5.1.4 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5.2 Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

5.2.1 Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

5.2.2 Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

5.2.3 Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

5.2.4 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

**Điều 41. Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1.1 Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

1.2 Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

1.3 Giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

1.4 Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;



2.6 Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

2.7 Thực hiện các công việc được Hội đồng quản trị ủy quyền theo quy định tại Điều lệ này;

2.8. Chỉ đạo, điều hành, quyết định, tổ chức thực hiện đối với các vấn đề, nội dung liên quan đến công việc, kế hoạch kinh doanh hằng ngày của công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty;

2.9 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và lợi ích khác đối với Giám đốc chi nhánh, Phó Giám đốc chi nhánh; Trưởng, phó phòng; Giám đốc, phó giám đốc trung tâm và các chức danh tương đương của Công ty; trừ các chức danh được quy định tại Khoản 2.1.4 Điều này.

2.10 Quyết định các vấn đề sau đây nhưng phải thông báo lại cho các thành viên Hội đồng quản trị biết về những quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị phiên gần nhất:

2.10.1 Quyết định việc thành lập, thay đổi hoặc giải thể các bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Hội đồng quản trị; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi nhân sự các bộ phận này;

2.10.2 Thay mặt Hội đồng quản trị ký, sửa đổi, bổ sung hoặc thanh lý hợp đồng lao động với các cán bộ quản lý;

2.10.3 Quyết định các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp có vốn góp của Công ty theo sự ủy quyền của Hội đồng quản trị vào từng thời điểm.

2.11. Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2.12. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2.13. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

2.14. Cơ cấu tổ chức bộ máy (thành lập, giải thể, sáp nhập, hợp nhất các Phòng, Ban, Trung tâm, Tổ giúp việc,...) trong Công ty; cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của Công ty trực thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện;

2.15. Tổ chức thực hiện phương án hoạt động kinh doanh, phương án đầu tư sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt;

2.16. Thời hạn bổ nhiệm đối với các chức danh quản lý trong Công ty thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị tối đa là: 2 năm;

2.17. Tuyển dụng lao động;

2.18. Quyết định mức lương, phụ cấp, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc; phó Tổng giám đốc; Kế toán trưởng và người lao động trong Công ty trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;



- 2.19. Quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ (trừ những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước quy định);
- 2.20. Ký kết các hợp đồng, thỏa thuận và xác lập các giao dịch của Công ty theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
- 2.21. Thông qua và quyết định đối với các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị.
- 2.22. Đại diện cho Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ trường hợp quy định khác tại Điều lệ này.
- 2.23. Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;
3. Chủ tịch có thể ủy quyền lại cho Tổng giám đốc thực hiện một phần công việc điều hành của mình.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình nêu tại Khoản 4 - Điều 156 Luật doanh nghiệp 2020 thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- 6.1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- 6.2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc hoàn thành quyền và nghĩa vụ được giao;
- 6.3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- 6.4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- 6.5. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hoá thông tin và thủ tục hành chính;
- 6.6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

### **Điều 32. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng



quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét cần thiết, nhưng mỗi quý ít nhất phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

3.1 Ban kiểm soát;

3.2 Tổng giám đốc;

3.3 Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị;

3.4 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; Những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Khoản 3 Điều 32 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình của công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, Fax, thư điện tử, hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và kiểm soát viên được đăng ký tại công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi ít nhất có ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (Người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải



được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức Hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

9.1 Nghe tất cả các thành viên của Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

9.2 Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp với các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “Có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt chủ tọa cuộc họp. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay sau khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, Fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

#### 11. Biểu quyết

11.1 Trừ quy định tại Điểm 11.2 Khoản 11 Điều này mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 8 điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

11.2 Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc các đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan đến thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó có mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà những thành viên đó không có quyền biểu quyết;

11.3 Theo quy định tại Điểm 11.4 Khoản 11 điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

11.4 Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm 5.1 và Điểm 5.2 Khoản 5 Điều 43 điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một



hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết thông qua tại các cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký biên bản.

### **Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

### **Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

2.1 Có hiểu biết về pháp luật;

2.2 Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;



- 2.3 Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, điều lệ và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định của pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm trợ lý người phụ trách quản trị công ty tùy theo từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
- 4.1 Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- 4.2 Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- 4.3 Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;
- 4.4 Tham dự các cuộc họp;
- 4.5 Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- 4.6 Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- 4.7 Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- 4.8 Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- 4.9. Là đầu mối liên lạc với các bên liên quan
- 4.10 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc và các phó Tổng giám đốc có thể đồng thời cùng là thành viên Hội đồng quản trị.

### **Điều 36. Người điều hành Công ty**

1. Được chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được sử dụng số lượng, tiêu chuẩn của Người điều hành Công ty cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý của Công ty do Hội đồng Quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm đảm bảo cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.





### **Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc;

2. Tổng giám đốc là người hỗ trợ Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; Chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chủ tịch Hội đồng quản trị; Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Thù lao, tiền lương, và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường niên của công ty.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm phải được Hội đồng quản trị Công ty thông qua. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc được quy định như sau:

4.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020;

4.2 Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

4.3 Tổng giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Người quản lý Công ty mẹ hoặc Người đại diện phần vốn góp nhà nước tại Công ty hoặc Người đại diện phần vốn góp của Công ty vào Công ty con hoặc Công ty liên kết.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

### **Điều 38: Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng giám đốc**

1. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1.1 Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch Đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

1.2 Quyết định các vấn đề theo ủy quyền của Chủ tịch hội đồng quản trị bao gồm thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng Tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; Quyết định liên quan đến các gói thầu thuộc dự án đầu tư có giá trị dưới năm (05) tỷ đồng sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt. Thực hiện các gói thầu hoặc các hợp đồng được Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch hội đồng quản trị ủy quyền;

1.3 Kiến nghị số lượng và Người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu



quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất và vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người điều hành doanh nghiệp;

1.5 Kiến nghị với Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với trưởng phòng Công ty và các chức danh tương đương;

1.6 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Trưởng, phó phòng Công ty và các chức danh tương đương khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền;

1.7 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý khác trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và chủ tịch Hội đồng quản trị;

1.8 Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm của Công ty;

1.9 Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

1.10 Kiến nghị với Chủ tịch Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

1.11 Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng Quý của công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm, hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (Bao gồm cả bảng cân đối kế toán, Báo cáo kế hoạch hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

1.12 Có quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật; điều lệ, quy chế nội bộ của Công ty; nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc với Công ty.

2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo với các cấp này theo định kỳ và khi được yêu cầu.

### **Điều 39. Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc.**

1. Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.
2. Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với thời hạn là ba (3) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký hợp đồng.



3. Văn phòng và các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương của Công ty có chức năng tham mưu, giúp việc của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành công việc.
4. Nhiệm vụ cụ thể của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương được quy định trong Quy chế quản lý, điều hành hoạt động của Công ty do Hội đồng quản trị phê duyệt và Tổng giám đốc ký quyết định ban hành theo ủy quyền của Hội đồng quản trị.
5. Trong quá trình hoạt động, Tổng giám đốc có thể kiến nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức, biên chế, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương cho phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 40. Thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Điểm 2.1 Khoản 2 Điều 28 Điều lệ này. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của công ty là ba (03) người và được Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Ban kiểm soát bầu một (01) thành viên trong số họ làm trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
  - 3.1 Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
  - 3.2 Lập và ký các báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:
  - 4.1 Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020.
  - 4.2 Không được là vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Hội đồng quản trị của, Tổng giám đốc, và người quản lý khác của Công ty.



4.3 Có sức khỏe, có đạo đức, phẩm chất tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật;

4.4 Không được giữ chức vụ quản lý trong Công ty, là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

4.5 Không được làm trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hoặc nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

5.1 Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

5.1.1 Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 4 Điều 40 Điều lệ này;

5.1.2 Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

5.1.3 Có đơn từ chức và được chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông;

5.1.4 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5.2 Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

5.2.1 Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

5.2.2 Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

5.2.3 Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

5.2.4 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

**Điều 41. Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1.1 Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

1.2 Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

1.3 Giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

1.4 Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;



1.5 Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán;

1.6 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ Hai phần ba (2/3) số kiểm soát viên trở lên dự họp.
4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họp tham gia các cuộc họp của ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

## **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

### **Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân. Đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội Đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ



trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các Công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng giao dịch giữa công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:

5.1 Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng Quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng Quản trị, không có lợi ích liên quan;

5.2 Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

5.3 Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

#### **Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi



ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (Trừ các vụ kiện do công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

3.1 Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

3.2 Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác thực đã không thực hiện trách nhiệm của mình;

4. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu tổng số cổ phần của Công ty theo quy định tại Điều 15 có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu trên trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông trên có trách nhiệm bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác theo Khoản 5 - Điều 119 Luật doanh nghiệp 2020 và Khoản 7 - Điều 16 Điều lệ này.
2. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung điều lệ, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
3. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

### **Điều 46. Công khai các lợi ích liên quan**

Công ty áp dụng các quy định liên quan đến công khai các lợi ích liên quan của Công ty theo quy định Điều 164 Luật doanh nghiệp 2020.



## **Điều 47. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Công ty**

1. Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Công ty theo quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
2. Công ty phải tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 48. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 49. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.



## **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **Điều 50. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

### **Điều 51. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31/12 của năm được cấp.

### **Điều 52. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

## **XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 53. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 55 của Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan Thuế có thẩm quyền, Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, Báo cáo tình hình tài chính phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính.
2. Công ty phải lập và công bố các Báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và Báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan Thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.



3. Các Báo cáo tài chính năm được kiểm toán (Bao gồm ý kiến của Kiểm toán viên), Báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và Báo cáo quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản Báo cáo tài chính năm được kiểm toán, Báo cáo sáu tháng được soát xét và Báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 54. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 55. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

### **XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Điều 56. Dấu của doanh nghiệp**

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty.
2. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
3. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
4. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.





## **XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY**

### **Điều 57. Giải thể công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
  - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
  - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
  - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 58. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

### **Điều 59. Thanh lý**

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

3.1 Các chi phí thanh lý;

3.2 Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của Người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã được ký kết;

3.3 Nợ thuế;

3.4 Các khoản nợ khác của Công ty;



3.5 Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (3.1) đến mục (3.4) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

1.1. Cổ đông với Công ty;

1.2. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 61. Điều lệ công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 62. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 62 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần COKYVINA nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2026 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

2.1 Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

2.2 Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành phố;

2.3 Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở Công ty;



3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty, thay thế Điều lệ đã ban hành trước thời điểm Điều lệ này có hiệu lực.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**CHỦ TỊCH HĐQT**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Lý Chí Đức**

**THÀNH VIÊN HĐQT**



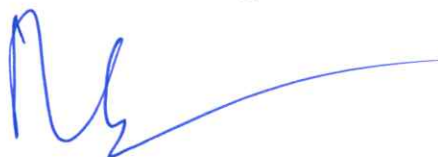
**Nông Văn Hiếu**

**THÀNH VIÊN HĐQT**



**Hoàng Thị Thu Hiền**

**THÀNH VIÊN HĐQT**



**Nguyễn Thị Mùi**

**THÀNH VIÊN HĐQT**



**Nguyễn Trung Kiên**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



**Lý Chí Đức**

